

77% nhu cầu chi tiền mặt trong tỉnh, trong số đó dành cho thu mua trên 50%.

- *Công tác giá* trong thời gian qua đã góp phần xây dựng hệ thống giá thu mua, giá bán buôn công nghiệp, bán buôn xí nghiệp, giá bán lẻ một số sản phẩm nông, công nghiệp địa phương như cá, muối, nước mắm, bột cá, vải sợi, gạch, ngói, nước đá, thức ăn gia súc ... và đã tham gia kiểm tra việc thực hiện hệ thống giá của Nhà nước. Từ đó đã làm cho việc chấp hành kỷ luật giá cả bớt được các hiện tượng tùy tiện.

- *Mười năm qua trong điều kiện và hoàn cảnh kinh tế xã hội đang còn nhiều biến động khá phức tạp hoạt động tài chính, ngân hàng, giá cả đã có những đóng góp cụ thể và đã có tác động thiết thực đến các hoạt động sản xuất và kinh doanh đã cung cấp tài chính và tiền tệ cho các hoạt động xã hội, hành chính sự nghiệp, thu mua năm hàng của tỉnh. Tuy nhiên trong điều kiện cơ chế quan liêu bao cấp còn nặng, hoạt động tài chính, ngân hàng, giá cả cũng còn nhiều mặt tồn tại.*

Chức năng kiểm tra, giám sát của tài chính, ngân hàng, giá cả trên nhiều mặt còn kém hiệu lực. Vốn của ngân sách và tín dụng của ngân hàng chưa tập trung thích đáng và kịp thời cho các ngành sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao để thúc đẩy sản xuất và kinh doanh phát triển. Trong hoạt động của tài chính còn để thất thu cho ngân sách. Chưa đôn đốc các xí nghiệp và các cơ sở nộp thu quốc doanh đầy đủ và kịp thời.

Cả thuế công thương nghiệp và nông nghiệp còn thất thu và chưa thu đúng chính sách. Thu khuyến khích giao nộp nông sản, thực phẩm chưa tương ứng với khối lượng sản phẩm giao nộp.

Trong hoạt động ngân hàng chưa phát huy được chức năng kinh doanh tiền tệ. Khối lượng lớn tiền mặt còn nằm trong tay tư nhân và trôi nổi ngoài thị trường chưa có biện pháp cụ thể để quản lý làm cho tình hình tiền mặt nhiều lúc căng thẳng. Công tác tín dụng tuy có mở rộng nhưng chưa tập trung đúng mức cho những hoạt động kinh doanh và sản xuất mang lại hiệu quả cao. Tốc độ vòng quay của tiền mặt trong lưu thông còn chậm. Việc thanh toán không dùng tiền mặt và qua ngân hàng trong cơ quan Nhà nước và trong các đơn vị tập thể chưa được quản lý chặt chẽ làm cho lưu thông tiền mặt càng thêm rối loạn.

Trong hoạt động giá cả, việc lập và duyệt giá làm còn chậm, kém linh hoạt. Khung giá nhiều lúc quy định chưa hợp lý làm cản trở cho thu mua, tập trung hàng vào tay Nhà nước. Trước tình hình giá cả còn biến động nhiều, hoạt động của tư thương và của người buôn bán nhỏ còn lớn làm cho việc quản lý giá cả của các cơ quan chức năng chưa phát huy được tác dụng cụ thể và đầy đủ.



V. CÔNG TÁC KHOA HỌC KỸ THUẬT

Với một nền sản xuất đa dạng, với những khả năng kinh tế tương đối toàn diện, tỉnh ta đã sớm coi trọng công tác khoa học kỹ thuật và đã quan tâm hình thành tổ chức, bộ máy phụ trách công tác khoa học kỹ thuật.

Từ năm 1977, Ban Khoa học kỹ thuật sau đó là Ủy ban khoa học và kỹ thuật tỉnh đã đi vào hoạt động.

Trong những năm qua hoạt động khoa học - kỹ thuật chung của tỉnh và của một số ngành đã có những tiến bộ đáng kể. Nhiều ngành và xí nghiệp đã có Hội đồng khoa học kỹ thuật và một số cán bộ chuyên trách về công tác khoa học kỹ thuật. Thành phố Biên Hoà và huyện Xuân Lộc đã thành lập Ban Khoa học kỹ thuật và bước đầu đã xác định phương hướng hoạt động.

Đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ đại học đã tăng gấp 9 lần so với năm 1976, toàn tỉnh hiện có 1.532 (trong đó có 484 là nữ) cán bộ đã tốt nghiệp đại học đang công tác trên lĩnh vực công tác khoa học kỹ thuật của tỉnh (không kể số giáo viên cấp 3 công tác trong ngành giáo dục).

Số lượng các đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh mỗi năm mỗi tăng và chất lượng nghiên cứu có tiến bộ. Trước năm 1980 có từ 6 đến 8 đề tài nghiên cứu mỗi năm. Nay mỗi năm đã có 20 đề tài cấp tỉnh và nhiều đề tài cấp ngành và cấp cơ sở. Nội dung của đề tài đã đề cập đến những vấn đề phù hợp với thực tiễn sản xuất và đời sống của địa phương.

Công tác điều tra cơ bản đang được quan tâm xúc tiến. Các công trình điều tra về tài nguyên, thổ nhưỡng, khoáng sản, lao động, đất đai, khí hậu, thời tiết, các cuộc điều tra về rừng bao gồm diện tích, sinh thái, trữ lượng... về quy luật phát sinh và phân bố bệnh tật đối với người, cây trồng,

vật nuôi, điều tra về nguồn dược liệu đang được tiến hành khẩn trương. Đó là những cơ sở thuận lợi để xây dựng quy hoạch tổng thể cùng kế hoạch kinh tế - xã hội của tỉnh và là những tiền đề để tiến hành lập "Tổng sơ đồ phát triển và phân bố lực lượng sản xuất của tỉnh đến năm 2.000". Thông qua các công tác điều tra trên đây chúng ta sẽ có tư liệu để nắm chắc hơn điều kiện tự nhiên, những khả năng và tiềm năng về kinh tế - xã hội để triển khai công tác nghiên cứu toàn diện hơn trong những năm tiếp theo.

Để chỉ đạo phương hướng hoạt động cho công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học, kỹ thuật của tỉnh, năm 1981 Thường vụ Tỉnh uỷ (khoá 2) đã có nghị quyết về công tác khoa học và kỹ thuật. Từ đó đến nay công tác nghiên cứu ứng dụng và phổ biến các tiến bộ kỹ thuật phục vụ sản xuất và đời sống được thúc đẩy hơn trước, nhất là trong các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp. Một số đề tài được áp dụng trong sản xuất đã mang lại hiệu quả kinh tế. Một số đề tài về năng lượng cũng đã được ứng dụng có kết quả.

Công tác quản lý khoa học kỹ thuật được tiến hành ngày càng chặt chẽ và có quy củ hơn. Việc quản lý tiêu chuẩn đo lường và kiểm tra chất lượng sản phẩm từng bước được thể chế hoá và đạt được kết quả thiết thực đối với sản xuất.

Trong lĩnh vực khoa học xã hội tuy mới là bước đầu nhưng cũng đã được chú trọng hơn trước. Những đề tài nghiên cứu về giáo dục theo nghị quyết cải cách giáo dục của Bộ Chính trị đã được xúc tiến. Những đề tài nghiên cứu về văn hoá: tiền sử Đồng Nai, đề tài nghiên cứu về các dân tộc ít người Châu Ro, Stiêng, Mạ... đang được tiến hành. Trong lĩnh vực y tế công tác nghiên cứu về môi trường, về ứng dụng các biện pháp chữa bệnh, phòng bệnh... đã được vận dụng trong thực tiễn. Về quản lý kinh tế đã có một đề tài nghiên cứu về áp dụng hình thức trả lương trong các xí nghiệp quốc doanh theo cơ chế mới được xác nhận. Công tác nghiên cứu lịch sử Đảng xã huyện, nghiên cứu về chiến tranh nhân dân, về phong trào công nhân cao su, phong trào phụ nữ... hoặc đã hoàn thành, hoặc đang tiến hành đã góp phần nâng cao lòng yêu nước và phát huy truyền thống của địa phương.

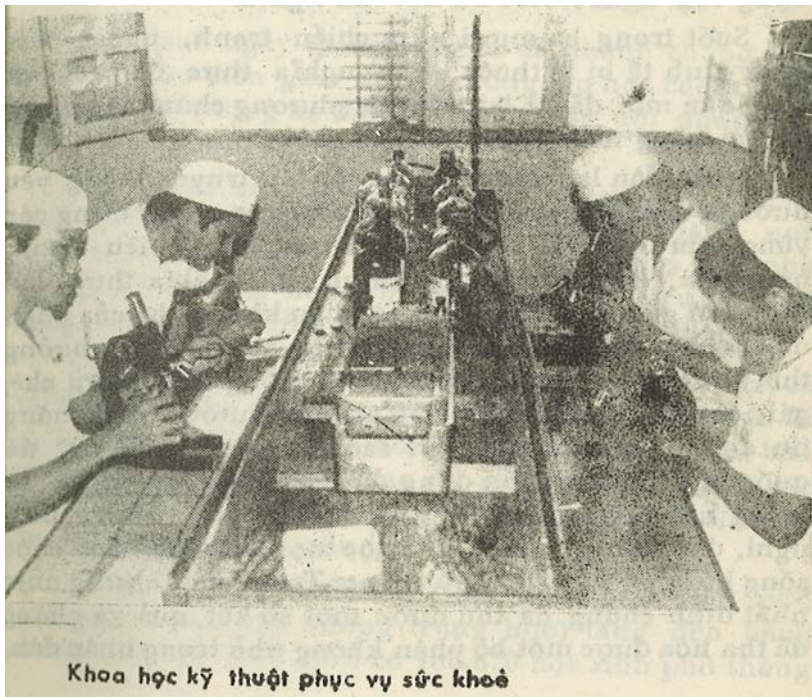
Công tác thông tin khoa học - kỹ thuật được chú trọng góp phần thông báo tin tức và nâng cao kiến thức khoa học cho các ngành có quan hệ và cho cán bộ khoa học kỹ thuật của tỉnh.

Trong thực tiễn sản xuất, thông qua các phong trào thi đua và vận động sản xuất, công nhân, nông dân, thợ thủ công ngày càng có ý thức và đã quan tâm hơn đến việc ứng dụng kỹ thuật tiến bộ vào thực tiễn sản xuất.

Tuy đã đạt được những kết quả nhất định nhưng nhìn lại mười năm qua, công tác khoa học kỹ thuật của tỉnh cũng còn những mặt tồn tại đáng lưu ý:

Hoạt động khoa học kỹ thuật nói chung còn yếu, một số lĩnh vực ứng dụng tiên bộ kỹ thuật tiến triển chậm. Hoạt động khoa học kỹ thuật và công tác nghiên cứu chưa tập trung cao độ vào những mục tiêu chủ yếu của sản xuất và đời sống. Những tiên bộ kỹ thuật đã được kết luận chưa được ứng dụng rộng rãi vào sản xuất nhất là trên lĩnh vực giao thông vận tải, xây dựng... Công tác thông tin và tuyên truyền phổ biến khoa học kỹ thuật trong quần chúng còn yếu do đó mà tác dụng của khoa học kỹ thuật trong sản xuất về đời sống chưa mạnh mẽ. Kế hoạch nghiên cứu khoa học kỹ thuật và kế hoạch kinh tế - xã hội chưa gắn bó chặt chẽ với nhau một cách hữu cơ từ các khâu xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả hoàn thành.

Hệ thống tổ chức quản lý và nghiên cứu khoa học kỹ thuật chưa được hình thành tận các ngành kinh tế kỹ thuật và các huyện. Nhiều ngành chưa có tổ chức chăm lo hoạt động khoa học và kỹ thuật. Nhiều cơ sở chưa có cán bộ chuyên trách. Cán bộ khoa học kỹ thuật sử dụng chưa hợp lý. Chưa có kế hoạch để đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật đầu đàn cho các lĩnh vực hoạt động.



VI. SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC – Y TẾ - VĂN HOÁ – XÃ HỘI.

Cùng với những chuyển hướng và thành tựu trong các hoạt động kinh tế, sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá – xã hội của tỉnh cũng được quan tâm thúc đẩy để thực hiện sự kết hợp đồng bộ giữa ba cuộc cách mạng theo đường lối của Đảng, góp phần phục vụ và cải thiện đời sống tinh thần cho nhân dân lao động và xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

Suốt trong ba mươi năm chiến tranh, ngoài tình hình kinh tế bị lệ thuộc, chủ nghĩa thực dân cũ và thực dân mới đã để lại trên địa phương chúng ta những di hại nặng nề về văn hoá – xã hội.

Nhân dân lao động tỉnh ta vốn có truyền thống yêu nước và đấu tranh bất khuất kiên cường, song trong các vùng tạm bị chiếm cùng với phương tiện chiến tranh hàng hoá và quân đội viễn chinh, chủ nghĩa thực dân mới còn gieo rắc trong một bộ phận không nhỏ của nhân dân ta đặc biệt là trong thanh niên một lối sống hưởng thụ, thực dụng, sa đọa, chạy theo đồng tiền, rượu chè, gái, cờ bạc, trộm cắp... Với những phương tiện thông tin đại chúng hiện đại, với sách báo phản động, đế quốc Mỹ và bọn phản động đủ các loại, đã gieo rắc trong nhân dân ta những tư tưởng chống cộng, hoài nghi, dao động, ru ngủ, đầu độc mọi tầng lớp bằng cuộc sống hưởng thụ, không lý tưởng. Trong một chừng mực nhất định chúng đã thu được một số kết quả và chúng đã tha hoá được một bộ phận không nhỏ trong nhân dân.

Với những di hại trên đây của chiến tranh, sự nghiệp xây dựng con người mới, văn hoá mới quả không phải là đơn giản. Tuy không “nóng bỏng” như trận địa phân phối lưu thông, nhưng cuộc cách mạng về văn hoá tư tưởng thực sự là một cuộc đấu tranh phức tạp, một bộ phận hữu cơ của cuộc đấu tranh “ai thắng ai” giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.

Nhưng, trong cuộc đấu tranh ấy, mười năm qua chúng ta đã thu được những kết quả đáng khích lệ.

1. Kết quả của công tác giáo dục, đào tạo.

Ngay sau ngày giải phóng ta đã nhanh chóng tiến hành cải tạo nền giáo dục cũ, công lập hoá các trường tư thực, xây dựng hệ thống giáo dục và nội dung giáo dục mới xã hội chủ nghĩa.

Sau mười năm phấn đấu, sự nghiệp cải tạo và phát triển giáo dục đã thu được những thành quả quan trọng. Các ngành học từ mẫu giáo, giáo dục phổ thông, bổ túc văn hoá, sự phạm đều đã có những cố gắng và đã thu được những kết quả đáng phấn khởi.

Ngành học mẫu giáo trong năm học 84 – 85 đã có 35.225 cháu thu hút 32% số cháu trong độ tuổi và đã có sự phát triển tương đối hợp lý giữa các địa bàn trong tỉnh. Ta đã có những cố gắng để mở rộng các lớp mẫu giáo bán trú theo yêu cầu của cải cách giáo dục đối với ngành mẫu giáo.

Số học sinh phổ thông (bao gồm học sinh phổ thông cơ sở và phổ thông trung học) tăng đều hàng năm. Năm học 1975 – 1976 có 186.670 học sinh phổ thông cơ sở, năm học 1984 – 1985 đã có 297.800 em (tăng 58%). Số học sinh phổ thông trung học đã tăng từ 5.500 trong năm học 1975 – 1976 lên 15.486 em trong năm học 1984 – 1985 (tăng 180%). Đến năm học 1984 – 1985 đã có 9.845 em tốt nghiệp phổ thông cơ sở (so với 4.807 em trong năm học 1975 – 1976) và 3.296 em tốt nghiệp phổ thông trung học (so với 1.170 em trong năm học 1975 – 1976).

Như vậy trong toàn tỉnh đến năm học 1984 – 1985 đã có tổng cộng 348.512 học sinh từ mẫu giáo đến phổ thông trung học, tăng gần gấp hai lần so với hồi mới giải phóng. Với điều kiện kinh tế còn khó khăn, còn bao nhiêu vấn đề phức tạp phải giải quyết trong buổi ban đầu, việc phát triển sự nghiệp giáo dục là một điều đáng tự hào chung của toàn tỉnh.

Hoạt động bỏ tục văn hoá những năm đầu sau giải phóng tập trung cho công tác xoá nạn mù chữ. Vào tháng 4 năm 1977 đã xoá mù chữ cho 37.000 người thất học. Đến nay công tác bỏ tục văn hoá vẫn được duy trì cho các đối tượng cán bộ và thanh niên.

Về giáo dục sư phạm nay đã hình thành một hệ thống từ mẫu giáo, cấp 1, cấp 2, hàng năm cung cấp cho các ngành học một số lượng giáo viên được đào tạo tại chỗ, giải quyết một phần quan trọng tình trạng thiếu giáo viên, đáp ứng cho sự nghiệp phát triển giáo dục. Đến nay (năm học 1984 – 1985) bằng các nguồn khác nhau tập hợp lại: giáo viên của vùng giải phóng cũ, giáo viên chi viện và giáo viên đào tạo tại chỗ từ giải phóng đến nay ta đã có một đội ngũ giáo viên gồm 9.468 người (1.275 giáo viên mẫu giáo, 7.575 giáo viên phổ thông cơ sở, 618 giáo viên phổ thông trung học). Trong điều kiện vật chất còn khó khăn, sinh hoạt còn thiếu thốn, đồng lương không đủ sống, đại bộ phận giáo viên vẫn kiên trì bám trường, bám lớp vì sự nghiệp giáo dục kể cả những vùng nông thôn xa xôi hẻo lánh. Đó là những tấm gương sáng về con người mới xã hội chủ nghĩa trong hoạt động giáo dục, một hoạt động có sự mạng đào tạo nên những con người mới.

Quán triệt mục tiêu giáo dục theo nghị quyết về cải cách giáo dục của Bộ Chính trị, quan điểm giáo dục về chất lượng toàn diện được chú ý hơn. Việc giáo dục đạo đức có được quan tâm hơn. Giáo dục lao động sản xuất và hướng nghiệp có chuyển biến bước đầu về nhận thức và hành động. Nhiều nhà trường đã thực hiện giáo dục lao động sản xuất có hiệu quả và có nền nếp như Phổ thông trung học Tân Phú, Phổ thông trung học Xuân Lộc... Một số trường đã thực hiện được sự liên kết hợp tác với các cơ sở kinh tế, cơ sở sản xuất để gắn học tập với lao động sản xuất, với hướng nghiệp.

Việc phối hợp ba môi trường: Nhà trường – gia đình – xã hội có những tiến bộ trong những năm gần đây. Nhiều trường sử dụng hình thức

số liên lạc với gia đình để trao đổi kết quả học tập của học sinh đã có tác dụng tốt. Hoạt động đoàn đội trong các nhà trường được quan tâm hơn. Sự phối hợp giữa Sở Giáo dục và Tỉnh đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong công tác Đoàn, đội và trong giáo dục đạo đức cho học sinh có tiến bộ so với trước.

Sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng và chính quyền về sự nghiệp giáo dục được chú trọng hơn. Trong những năm gần đây việc chăm lo đến đời sống, giáo viên, giải quyết những khó khăn về cơ sở vật chất trường lớp, bàn ghế đã được nhiều địa phương và nhiều cấp tích cực thực hiện.

Ngoài giáo dục phổ thông, tỉnh còn có 14 trường chuyên nghiệp. Mười năm qua đã tuyển sinh vào các trường chuyên nghiệp của tỉnh trên 20.000 học sinh và đã có 14.000 học sinh ra trường công tác trong các cơ sở sản xuất, xí nghiệp của tỉnh. Ngoài ra tỉnh cũng đã tuyển sinh vào các trường Đại học 1.700 người, 700 người đã tốt nghiệp và đi nhận nhiệm vụ.

Nhìn chung, thành tựu về giáo dục trong mười năm qua là đáng phấn khởi, nhưng sự nghiệp giáo dục cũng còn những mặt tồn tại đáng quan tâm.

Việc giáo dục nâng cao chất lượng toàn diện trong các nhà trường còn yếu. Nhiều trường học đặt vấn đề giáo dục đạo đức chưa đúng mức. Việc giáo dục lao động hướng nghiệp và lao động sản xuất chưa được các cơ quan quản lý giáo dục đầu tư suy nghĩ thích đáng. Rất nhiều trường chưa tìm thấy hướng đi, mới dừng lại dạy lý thuyết cho học sinh theo sách giáo khoa.

Số lượng học sinh hàng năm tuy tăng nhanh nhưng đến nay vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu học tập của con em nhân dân lao động. Trong toàn tỉnh còn tới 47.000 trẻ em trong độ tuổi từ 6 đến 15 tuổi chưa được đến trường. Mặc dù có nhiều cố gắng nhưng cơ sở vật chất, trường lớp nhiều nơi còn quá thiếu thốn. Số lớp phải học ba ca còn tương đối nhiều.

Phong trào học bỏ túc trong cán bộ và thanh niên, công tác xoá mù chữ cho người lớn tuổi không được sôi nổi như hồi mới giải phóng. Số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông không vào đại học và trung học chuyên nghiệp chưa có kế hoạch nghiên cứu sử dụng tốt để phục vụ lao động sản xuất và sự nghiệp phát triển kinh tế.



2. Công tác y tế.

Sau giải phóng, hoạt động y tế đứng trước những khó khăn phải giải quyết: các bệnh xã hội tương đối phổ biến, cơ sở y tế và mạng lưới y tế tập trung ở tỉnh chưa xuống tới huyện xã, cán bộ y tế thiếu. Sau mười năm, qua từng bước xây dựng và phát triển, hoạt động y tế đã có những đóng góp quan trọng vào việc chăm lo sức khỏe cho nhân dân, phát động phong trào vệ sinh phòng bệnh, chữa bệnh phục vụ sự nghiệp lao động sản xuất và chiến đấu cho nhân dân trong tỉnh.

Về xây dựng cơ sở và mạng lưới y tế: Từ 3 bệnh viện với 800 giường lúc ta tiếp quản sau ngày giải phóng, đến nay đã xây dựng được một hệ thống các cơ sở y tế từ tỉnh xuống tận cơ sở. Chúng ta đã tiến hành sửa chữa và mở rộng hai bệnh viện của tỉnh là Đồng Nai và Thống Nhất. Đã xây dựng và đưa vào sử dụng bệnh viện lao đầu năm 1985. Bệnh viện khu công nghiệp, bệnh viện nhi quy mô 250 giường đang trên đà hoàn thành việc xây cất.

Ở tuyến huyện: Bệnh viện huyện Xuân Lộc, bệnh viện huyện Châu Thành đã xong việc sửa chữa lớn. Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng bệnh viện các huyện: Thống Nhất, Tân Phú, Vĩnh Cửu, Biên Hoà, Long Đất.

Ở cơ sở hiện đã hình thành một mạng lưới có 147 trạm xá xã, phường.

Số giường bệnh ở ba tuyến tỉnh, huyện, cơ sở xã, phường, cơ quan, xí nghiệp nay đã lên tới 4.046 so với hồi mới giải phóng (800 giường) tăng 5 lần.

Cùng với hệ thống các cơ sở, số cán bộ y tế của toàn tỉnh cũng đã không ngừng tăng lên. Đến nay trong toàn tỉnh đã có 181 bác sỹ và 62 dược sỹ cao cấp (1976: 57 bác sỹ, 26 dược sỹ cao cấp), 628 y sỹ và 51 dược sỹ trung cấp (1976: 173 y sỹ và 16 dược sỹ trung cấp) 1.220 y tá và 230 dược tá (1976: 517 y tá và 42 dược tá) 307 nữ hộ sinh (1976: 181 nữ hộ sinh).

Lực lượng thầy thuốc đồng ý cũng tăng lên. Đến nay đã có 206 người trong toàn tỉnh so với 38 người năm 1976.

Công tác phòng, chống dịch được tăng cường, không để các dịch lớn xảy ra. Việc quản lý và chữa trị các bệnh xã hội được chú ý hơn. Tỷ lệ mắc bệnh sốt rét và tỷ lệ tử vong do sốt rét giảm hơn trước.

Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch được đẩy mạnh ở nhiều địa bàn trong tỉnh ở nhiều cơ quan, xí nghiệp. Các chỉ tiêu về phòng ngừa tránh thai ngày càng được công nhân viên chức và nhân dân hưởng ứng.

Phong trào nuôi trồng và sử dụng thuốc nam, châm cứu có bước phát triển mới. Sau huyện Xuân Lộc có thêm huyện Châu Thành và thành phố Biên Hoà được công nhận dứt điểm nuôi trồng và sử dụng thuốc nam trên quy mô toàn huyện.

Đã hình thành được hệ thống ngành dược đảm bảo cung cấp thuốc và sản xuất dược liệu phục vụ cho yêu cầu chữa bệnh của tỉnh.

Hoạt động bảo vệ bà mẹ trẻ em được tăng cường hàng năm, cuối năm 1984 trong toàn tỉnh có 185 nhà trẻ, nhóm trẻ với 8.557 số trẻ em được gửi. Nhiều nhà trẻ và cô nuôi dạy trẻ đạt danh hiệu tiên tiến.

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được, công tác y tế cũng bộc lộ những thiếu sót và tồn tại cần chú ý:

Công tác vệ sinh môi trường chưa được giải quyết tốt, nhất là ở khu vực thành phố, thị trấn, các vùng ven sông, ven biển và những nơi dịch bệnh thường xảy ra. Tỷ lệ các loại bệnh do nhiễm khuẩn, ký sinh trùng còn cao. Dịch tả, dịch hạch và dịch sốt xuất huyết còn xảy ra hàng năm, chưa giải quyết cơ bản được.

Phong trào 5 dứt điểm phát triển chậm và chưa toàn diện. Tỷ lệ sinh đẻ nhiều nơi còn cao. Phong trào 3 công trình vệ sinh còn yếu. Công tác quản lý sức khỏe chưa được tiến hành rộng rãi. Mạng lưới y tế tuy đã hình thành rộng khắp nhưng hoạt động của các trạm y tế xã, phường còn yếu. Phong trào dùng thuốc dân tộc, châm cứu tuy phát triển khá nhưng chưa đều khắp.

Điều đáng quan tâm là chất lượng khám chữa bệnh ở nhiều bệnh viện, nhiều cơ sở y tế còn thấp. Một số hiện tượng tiêu cực trong ngành đã làm ảnh hưởng tới lòng tin của quần chúng nhân dân đối với các cơ sở y tế

của Nhà nước. Một bộ phận cán bộ nhân viên y tế giảm sút tinh thần trách nhiệm là điều đáng quan tâm.

Công tác quản lý thuốc còn có nhiều sơ hở. Thuốc chữa trị bệnh một số đáng kể không đến được tay người bệnh. Việc buôn bán thuốc trên thị trường tự do còn phổ biến và chưa được quản lý chặt chẽ.

3. Phong trào thể dục, thể thao.

Phong trào thể dục, thể thao từ sau ngày giải phóng đến nay đã phát triển ngày càng rộng khắp các địa bàn: từ thành phố, thị trấn tới nông thôn, từ các cơ quan, đơn vị quân đội đến xí nghiệp, trường học. Thể dục thể thao hiện nay là một trong những phong trào lôi cuốn mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp tham gia.

Hoạt động thể dục thể thao bao gồm từ các đội đại biểu, các hoạt động thi đấu và phong trào vận động rèn luyện thân thể ngày càng có bước phát triển trong khu vực trường học, cơ quan xí nghiệp, công, nông, lâm trường, góp phần nâng cao sức khỏe, đào tạo con người mới, xây dựng nếp sống văn hoá mới. Phong trào dưỡng sinh cho người già gần đây được chú ý phát động và đang có chiều hướng phát triển.

Qua phong trào, nhiều nơi đã chú trọng xây dựng và củng cố các hoạt động thể thao. Thành tích thi đấu một số bộ môn có tiến bộ như bóng bàn, bóng chuyền. Phong trào bóng đá tuy có chiều rộng nhưng đội đại biểu của tỉnh thi đấu thất thường. Các bộ môn điền kinh, bơi lội thành tích còn hạn chế.

Tỉnh và nhiều địa phương, nhiều ngành đã quan tâm đầu tư cho hoạt động thể dục, thể thao. Sân vận động tỉnh được xây dựng và tranh thủ đưa vào hoạt động nhận giải Skada.

Tuy nhiên, phong trào thể dục thể thao của tỉnh trong những năm qua đã bộc lộ và tồn tại những nhược điểm và thiếu sót:

Chưa phát động được phong trào thể dục, thể thao rèn luyện thân thể của quần chúng rộng khắp. Phong trào thể dục và rèn luyện thân thể trong thanh, thiếu niên chưa được chú ý đúng mức. Phong trào trong các xí nghiệp công, nông, lâm trường còn những mặt yếu và chưa đều.

Lực lượng vận động viên thể thao tuy phát triển nhưng thành tích thi đấu các môn còn thấp. Việc lựa chọn và bồi dưỡng những năng khiếu về thể dục thể thao chưa được quan tâm. Những biểu hiện tiêu cực trong thể dục thể thao như cục bộ, ăn thua không lành mạnh, thiếu tinh thần và phong cách thể thao xã hội chủ nghĩa chưa được đấu tranh kiên quyết để khắc phục.

Hệ thống và tổ chức phụ trách thể dục thể thao các cấp chưa được củng cố và kiện toàn. Lực lượng hướng dẫn viên, huấn luyện viên còn thiếu và yếu.



4. Hoạt động văn hoá – văn nghệ.

- Văn hoá

Dưới ánh sáng của đường lối văn hoá văn nghệ của Đảng, Tỉnh vừa coi trọng đấu tranh với các tàn dư văn hoá đồi trụy, phản động, vừa quan tâm xây dựng sinh hoạt văn hoá và nếp sống văn hoá mới lành mạnh trong các tầng lớp quần chúng. Ngay từ những năm sau giải phóng phong trào văn hoá văn nghệ quần chúng đã được chú trọng chỉ đạo, ngày càng phát triển và đã cố gắng bám sát cuộc sống sản xuất và chiến đấu, cổ vũ những gương người tốt để phục vụ những nhiệm vụ chính trị của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Việc xây dựng các cơ sở cho hoạt động văn hoá được quan tâm. Cuối năm 1980 Nhà văn hoá thiếu nhi của tỉnh được hoàn thành. Ngoài nhà văn hoá thiếu nhi của tỉnh các huyện Xuân Lộc, Long Thành cũng đã có nhà văn hoá thiếu nhi.

Để đưa hoạt động văn hoá cách mạng đến tận quần chúng, đến tận cơ sở, nhiều địa phương như thành phố Biên Hoà, huyện Xuân Lộc... đã quan tâm xây dựng các nhà văn hoá phường, xã. Thông qua hoạt động của các nhà văn hoá ở cơ sở, quần chúng ngày càng tiếp thu được nội dung lành mạnh, ngày càng hiểu và yêu thích văn hoá – nghệ thuật cách mạng.

Công tác giáo dục truyền thống được chú trọng. Tỉnh đã có phòng Bảo tồn, bảo tàng (tuy chưa có nhà Bảo tàng). Thành phố Biên Hoà và

huyện Châu Thành đã có nhà Bảo tàng huyện. Đã xây dựng được bia chiến thắng Xuân Lộc, tượng đài và nhà lưu niệm liệt sĩ Võ Thị Sáu, (khánh thành vào đúng dịp mười năm giải phóng).

Công tác thư viện và phong trào vận động đọc sách báo có phát triển. Từ buổi ban đầu hầu như chưa có gì, đến nay tỉnh đã có 1 thư viện tỉnh, 5 thư viện huyện và thành phố, 2 thư viện xã phường, 64 phòng đọc sách. Mặc dù số thư viện và phòng đọc sách có tăng lên nhưng số lượng sách tăng ít, chưa tương ứng. So với năm 1977 số lượng sách năm 1984 mới tăng lên 3 lần.

Về hoạt động chiếu bóng: từ một số đội chiếu bóng lưu động ban đầu, nay toàn tỉnh đã có 10 rạp chiếu bóng, 25 đội chiếu bóng lưu động. Đến hết năm 1984, bình quân 1 người trong tỉnh được xem phim 5,4 lần/năm, trong đó các vùng xa xôi vùng dân tộc, vùng căn cứ cũ từ 1 đến 3 lần.

Đấu tranh chống văn hoá đồi trụy phản động và các ấn phẩm văn hoá lưu hành bất hợp pháp được quan tâm tiến hành. Thường xuyên đã mở những đợt phát hiện và truy quét kết hợp với nhiều ngành liên quan trên nhiều địa bàn trọng điểm.

Công tác xây dựng nếp sống văn hoá mới được phát động ở các địa phương và trong các tầng lớp quần chúng. Đã chú trọng xây dựng nếp sống mới ở những nơi công cộng, xây dựng nếp sống trong công nhân, trong thanh niên, nếp sống gia đình văn hoá mới. Một số địa phương đã tiến hành cải tạo các đình thần cũ thành nhà truyền thống hoặc đền thờ liệt sĩ, chống mê tín dị đoan, bói toán, cờ bạc... tổ chức đám cưới, đám tang theo nếp sống lành mạnh.

Hoạt động báo chí, truyền thanh trong tỉnh được bắt đầu từ buổi ban đầu gần như không có gì, nhưng đã ngày càng phát triển. Báo Đồng Nai, cơ quan của Đảng bộ tỉnh, từ ngày 2 tháng 9 năm 1982 đến nay đã ra đều đặn 1 tuần 2 số và đã cố gắng bám sát phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương. Ngoài báo Đồng Nai, tỉnh có báo của Hội văn nghệ ra hàng tháng, các tờ tin của công đoàn, công an, công ty cao su... làm nhiệm vụ thông tin và tuyên truyền cổ động cho các mặt công tác của tổ chức và của ngành.

Đến nay sau 9 năm xây dựng, đã thực hiện được truyền thanh hoá trong toàn tỉnh với 1 đài phát trung tâm của tỉnh, 5 đài phát sóng ngắn của huyện và các cơ sở truyền thanh ở 151/153 xã phường. Tiếng nói 4 cấp: trung ương, tỉnh, huyện và cơ sở đã được truyền tới người dân và các đơn vị sản xuất, sự nghiệp hành chính.

Nhà xuất bản tổng hợp Đồng Nai đã có nhiều cố gắng trong việc tăng số lượng đầu sách cũng như số trang in. Nội dung xuất bản đã theo sát yêu cầu và các đề tài của địa phương.

Hoạt động in ấn của tỉnh trong thời gian qua cũng đã có nhiều cố gắng, bảo đảm phục vụ cho các yêu cầu về in của tỉnh. Tuy nhiên năng lực

in của các xí nghiệp mới bảo đảm hàng năm khoảng 80 triệu trang. Phương tiện, máy móc đã cũ và hư hỏng nhiều, mặt bằng chật hẹp, thiếu phương tiện in offset màu. Với yêu cầu in ấn ngày càng nhiều và càng cao, tình hình các cơ sở in hiện nay khó đáp ứng.

- Văn học nghệ thuật

Hội văn học nghệ thuật được thành lập từ 1979 đến nay đã có những cố gắng nhất định trong việc tập hợp những cây viết, những người yêu âm nhạc và hội họa trong tỉnh. Hội đã quan tâm bồi dưỡng những cây viết trẻ và tổ chức các cuộc thi sáng tác nhân những ngày kỷ niệm: tham gia các cuộc triển lãm về nghệ thuật.

Trong hoạt động nghệ thuật, để đáp ứng yêu cầu của quần chúng, ngành Văn hoá tỉnh đã tổ chức những lớp ca múa nhạc và hàng năm tổ chức các hội diễn nghệ thuật quần chúng để thúc đẩy phong trào chung và tuyển chọn những đội, những cá nhân xuất sắc. Phong trào văn nghệ quần chúng trong những năm qua đã phát triển lành mạnh ở các địa phương và các khu vực trong tỉnh như Biên Hoà, Xuân Lộc, Tân Phú, Châu Thành... khu công nghiệp, công ty cao su Đồng Nai, ở nhiều ngành và xí nghiệp, công, nông, lâm trường.

Trong những năm gần đây hoạt động văn nghệ quần chúng ở địa phương và cơ sở đã gắn bó chặt chẽ hơn với cuộc sống sản xuất, chiến đấu. Chất lượng hoạt động và nội dung các tiết mục đã phản ánh những gương chiến đấu và sản xuất, đi sâu ca ngợi những con người mới và cổ vũ cho hoạt động văn hoá, văn nghệ cách mạng.

Việc xây dựng và củng cố các đội văn nghệ chuyên nghiệp được quan tâm hơn trước. Sau một thời gian dài gặp khó khăn, các đoàn ca múa nhạc, cải lương đã có nhiều tiến bộ.

- Tuy nhiên bên cạnh những thành công và bước phát triển hoạt động văn hoá, văn học, nghệ thuật còn có những tồn tại.

Hiện nay, yêu cầu thưởng thức văn hoá, nghệ thuật của cán bộ, quần chúng ngày càng tăng, trình độ hiểu biết nghệ thuật của quần chúng ngày càng cao, nhưng hoạt động văn hoá nghệ thuật của chúng ta chưa đáp ứng kịp kể cả mặt nâng cao và phổ cập. Nhiều vùng nông thôn sâu, căn cứ cũ, vùng dân tộc hoạt động văn hoá nghệ thuật xâm nhập còn ít.

Công tác đấu tranh chống văn hoá đồi trụy phản động, chống các loại văn hoá phẩm trái phép chưa được tiến hành một cách thường xuyên, chưa có sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành và trên các địa bàn. Những văn hoá phẩm có nội dung xấu vẫn được lưu hành hoặc truyền bá bằng nhiều con đường và bằng nhiều cách.

Chưa quản lý chặt chẽ hoạt động kinh doanh văn hoá: nhiều cơ sở, ngành vì để tăng nguồn thu đã tổ chức chiếu những phim video của các nước tư bản với giá vé bán cao, cho tất cả các đối tượng mà không kể đến nội dung và tác hại của phim.

Việc chỉ đạo xây dựng nếp sống mới tuy có quan tâm nhưng thiếu chiều sâu, thiếu liên tục, chưa thành một cuộc vận động toàn diện gắn bó chặt chẽ với các hoạt động khác của xã hội và đời sống.

Trong sáng tác văn học, vẫn chưa có suy nghĩ và biện pháp để đầu tư cho những tác phẩm có chiều sâu nhằm phản ánh về những đề tài mà hiện nay cuộc sống của địa phương đang đặt ra và đề cập tới. Sáng tác và hoạt động văn học của tỉnh còn có mặt thiên về số lượng và trong một chừng mực nhất định có phần dễ dãi, hời hợt.



5. Thương binh – xã hội:

Việc thi hành chính sách đối với các gia đình và những người có công đóng góp đối với cách mạng không đơn thuần là một nhiệm vụ mà còn là một công tác mang nhiều tình nghĩa, đạo lý, một việc đền ơn của những thế hệ sau, những người đi sau của toàn xã hội đối với những người đi trước, đồng thời còn là một công tác giáo dục có ý nghĩa về lòng yêu nước và tình cảm xã hội chủ nghĩa.

Sau mười năm ta đã căn bản làm xong việc xác nhận liệt sĩ và gia đình liệt sĩ và qua đó đã tiến hành việc giải quyết chính sách và chế độ cho các đối tượng đã được xác nhận.

Các nghĩa trang của tỉnh và các huyện đã hoàn thành việc xây dựng và đã quy tập được 11.744 hài cốt liệt sĩ của hai cuộc kháng chiến.

Đã tiến hành tiếp nhận 2.506 bộ đội xuất ngũ và giúp đỡ tìm công ăn việc làm, giải quyết ổn định đời sống.

Việc giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ hưu trí, mất sức lao động cũng đã có những cố gắng. Hơn 5.000 cán bộ nghỉ hưu mất sức, một số còn khả năng và điều kiện đã về tham gia công tác ở cơ sở. Một số khác trong những hoàn cảnh khác nhau vẫn còn phát huy tác dụng của mình.

Trong điều kiện còn nhiều khó khăn và hạn chế, việc chăm lo đời sống và giải quyết nhà ở cho những người có công (gia đình liệt sĩ, thương binh, cán bộ, hưu trí...) cũng được chú ý. Trong hai năm 1984 – 1985 tỉnh chủ trương hoàn tất 100 ngôi nhà tình nghĩa và phân phối 200 xuất vật liệu để các đối tượng được hưởng chính sách sửa chữa, tu bổ nhà ở.

Cùng với việc giải quyết chính sách đối với những gia đình có công với cách mạng, mười năm qua ta cũng đã có những cố gắng để giải quyết những vấn đề xã hội khác.

Đối với những trường hợp đột xuất, những người gặp khó khăn đặc biệt trong đời sống, tai nạn, hoả hoạn, người già yếu không nơi nương tựa, người tàn tật.. từ năm 1976 đến 1980 đã xuất quỹ cứu tế 1,5 triệu đồng và 472 tấn lương thực và từ 1981 đến cuối năm 1984 mỗi năm bình quân từ 500.000 đến 600 ngàn đồng và từ 80 đến 90 tấn gạo để giúp đỡ.

Đã tổ chức được hai cơ sở cho người già tàn tật do tai nạn chiến tranh, trẻ mồ côi và một trường giáo dục lao động “Phụ nữ mới” cho các chị em lầm lỡ. Ngoài ra trong những năm vừa qua ta cũng đã có nhiều cố gắng để giải quyết các tệ nạn xã hội như nghiện ma túy, trẻ em bụi đời, cùi hủi, người ăn xin.



Đồng chí Lê Thành Ba, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, trao Huân chương Độc lập cho các gia đình có nhiều liệt sĩ

Tuy đã có những cố gắng nhất định nhưng việc giải quyết chính sách cho những người có công với cách mạng đang đặt ra những vấn đề phải tiếp tục quan tâm. Đời sống của những người có công với cách mạng và cán bộ hưu trí đang còn nhiều khó khăn. Điều này đặt trách nhiệm cho các cấp các ngành và toàn xã hội phải chăm lo hơn nữa.

Những vấn đề xã hội cũng đang còn nhiều và phức tạp. Giải quyết có hiệu quả hơn nữa vấn đề này tức là thể hiện việc quan tâm của Nhà nước và xã hội đến những người bị chế độ cũ hắt hủi và cũng là thước đo tính chất ưu việt của xã hội ta.

VII. AN NINH – QUỐC PHÒNG

Trong suốt cả hai thời kỳ chiến tranh giải phóng dân tộc, chống thực dân Pháp và chống Mỹ, cứu nước, Đồng Nai là một trong những địa bàn giành đi giết lại giữa ta và địch và là nơi chiến tranh diễn ra liên tục ác liệt. Lực lượng các loại của địch trước ngày giải phóng tại Đồng Nai khá đông. Đây là nơi địch đặt Bộ chỉ huy quân sự của Quân đoàn 3, có sân bay quân sự cỡ lớn Biên Hoà và sân bay chiến đấu tại Long Khánh. Bộ chỉ huy cảnh sát Quân khu 3 của địch cũng đóng tại Biên Hoà với một lực lượng đông đảo và có hệ thống xuống tận ấp xã.

Dân cư trong tỉnh có cơ cấu từ nhiều nguồn tập hợp lại, nói chung là nhân dân lao động, nhưng cũng có mặt phức tạp nhất định. Riêng về người theo đạo thiên chúa đã có hơn nửa triệu trong toàn tỉnh. Quần chúng giáo dân nguồn gốc là nhân dân lao động nhưng bọn phản động đầu sỏ đội lốt tôn giáo vốn căm thù cách mạng, có hệ thống chỉ huy quốc tế, suốt trong quá trình chiến tranh đều hợp tác và tiếp tay cho bộ máy nguy quyền. Sau giải phóng toàn tỉnh có 151 nhà thờ, 409 linh mục trong đó có một số sĩ

quan tuyên uỷ trốn tránh không chịu ra trình diện, tập trung nhiều nhất ở huyện Thống Nhất.

Khi mới giải phóng, các loại nguy quân, nguy quyền, công an, cảnh sát, gián điệp, tình báo và những tên cốt cán trong các tổ chức tôn giáo, đảng phái phản động đã ra đăng ký trình diện học tập cải tạo là 122.590 tên kể từ cấp xã trở lên. Ngoài ra chế độ cũ còn để lại khoảng 20.000 tội phạm hình sự, 3.000 lưu manh chuyên nghiệp, 2.000 gái hành nghề mãi dâm, 3.500 tên xì ke, ma tuý, trộm cắp...

Sau giải phóng, ý đồ muốn thôn tính trở lại Việt Nam với những thủ đoạn khác của đế quốc Mỹ và bọn bành trướng Bắc Kinh lại lộ rõ. Cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt đã diễn ra toàn diện trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, tư tưởng.

Nằm về phía bắc thành phố Sài Gòn, trung tâm đầu não của nguy quyền cũ, Đồng Nai là một “điểm nóng”, một trong những địa bàn xung yếu của hình thái chiến tranh mới này. Lợi dụng địa thế có tuyến bờ biển, kẻ địch móc nối với những phần tử xấu trong nội địa tổ chức vượt biên một cách thường xuyên.

Về chính trị có lúc chúng đã kích động người Hoa và những người thuộc dân tộc Nùng ở các địa bàn trong tỉnh xin xuất cảnh.

Những tên nguy quân, nguy quyền ngoan cố không chịu ra trình diện đã lén lút tụ tập hoặc ẩn náu trong nhân dân hoạt động bí mật, được sự móc nối từ ngoài, có lúc chúng đã lập ra một số “mật khu”. Chúng xây dựng các khung vũ trang, uy hiếp tinh thần nhân dân, tích trữ lương thực, vũ khí. Bên cạnh đó là bọn phản động đội lốt tôn giáo tìm cách chia rẽ nhân dân, xuyên tạc chính sách của ta, nói xấu chế độ, nói xấu chính quyền.

Trên lĩnh vực kinh tế, tình hình diễn ra phức tạp. Kẻ địch thường xuyên phao tin đồn nhảm, tung luận điệu thất thiệt, tổ chức buôn lậu qua biên giới, rút vàng đầy giá vàng lên cao và tuồn hàng xa xỉ vào. Một số vụ phá hoại sản xuất, kho tàng mất mát lớn xảy ra đã gây những thiệt hại không nhỏ.

Về mặt văn hoá tư tưởng, kẻ địch thường xuyên lợi dụng những sơ hở, những khuyết điểm của ta để tung tin, tác động, nói xấu chế độ, gây hoang mang, chia rẽ nhằm lôi kéo quần chúng. Bằng các thủ đoạn chiến tranh tâm lý và truyền bá văn hoá đồi trụy, lối sống không lành mạnh, chúng hòng lung lạc tinh thần nhân dân ta, tranh thủ lôi kéo những phần tử lạc hậu, bất mãn: thá hoá, đầu độc thanh niên, làm mất lòng tin của quần chúng đối với cách mạng, đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Không nghi ngờ gì nữa cuộc đấu tranh chống lại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ địch vẫn diễn ra phức tạp, quyết liệt từ ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng đến nay. Nhưng trong cuộc đấu tranh này, với sự hậu thuẫn và hợp tác của nhân dân, chúng ta cũng đã thu được những thành tựu rất cơ bản: an ninh chính trị được giữ vững, lực lượng quốc

phòng ngày càng vững mạnh, cuộc sống lao động của nhân dân được bảo vệ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa của địa phương không ngừng phát triển.

1. Kết quả của công tác bảo vệ an ninh chính trị về trật tự an toàn xã hội.

Từ sau ngày giải phóng, với lực lượng công an nhân dân làm nòng cốt, đã tiến hành bảo vệ có kết quả các cuộc vận động chính trị, kinh tế – xã hội và các hoạt động quan trọng của ta. Chúng ta đã bảo vệ an toàn hai lần đổi tiền, bảo vệ an toàn cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên thống nhất đất nước và các cuộc bầu cử tiếp sau đó, bảo vệ các phái đoàn quốc tế và các đồng chí lãnh tụ về thăm tỉnh nhà không xảy ra sự gì đáng tiếc.

Trong thời kỳ quân quản, lực lượng công an phối hợp với quân đội đã tổ chức cho nguy quân, nguy quyền, bọn tình báo, cảnh sát nguy ra trình diện học tập cải tạo và tổ chức sinh hoạt chính trị cho giáo chức và nhân viên hành chính các cơ quan của chế độ cũ.

Qua quá trình các lớp học tập cải tạo, lực lượng công an đã cùng với các ngành nội chính xét khôi phục quyền công dân cho 120.000 đối tượng học tập cải tạo tốt.

Trước các thủ đoạn phá hoại và xâm nhập của địch, công an các cấp đã có những nỗ lực để huy động lực lượng bảo vệ các tuyến bờ biển, sông rạch, tiến hành kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn, truy lùng, bắt các đối tượng xâm nhập, phát hiện bọn xấu, bọn phá hoại, bọn tình báo. Đồng thời đã kết hợp với phát động quần chúng phá tan các nhen nhóm chính trị phản động của địch.

Đối với các thủ đoạn chiến tranh tâm lý, ngành Công an đã phối hợp với ngành văn hoá – thông tin và các ngành chức năng vừa tiến hành phát động quần chúng đồng thời dùng các biện pháp nghiệp vụ để điều tra, làm rõ, cảnh cáo, và giáo dục một số đối tượng, xoá một số lớn các tụ điểm tàng trữ và cho thuê mượn sách báo đòi truy, phản động, thu hồi một số đáng kể các loại sách, băng nhạc, đĩa hát lưu hành trái phép.

Trong công tác chống vượt biên trốn đi nước ngoài, ở địa bàn Đồng Nai không những phải đối phó với những người ở trong tỉnh trốn đi mà còn phải đối phó với những người ở ngoài tỉnh đến móc nối. Lực lượng công an trong suốt mười năm qua đã phối hợp với các lực lượng và chính quyền địa phương tổ chức giáo dục, ngăn chặn, làm trong sạch địa bàn và tiến hành liên tục việc chống vượt biên. Trong 10 năm đã phát hiện 1.028 vụ vượt biên, đã bắt và ngăn chặn 906 vụ, đồng thời đã trừng trị một số tên cầm đầu móc nối, tổ chức người đi vượt biên.

Trong công tác bảo vệ kinh tế chống địch phá hoại, những năm qua lực lượng công an đã chủ động phối hợp với các ngành chức năng đẩy mạnh các công tác phòng ngừa, tiến hành tuần khiết nội bộ, củng cố lực lượng bảo vệ của các cơ quan, xí nghiệp, đồng thời tổ chức truy quét bọn

đầu cơ ngoài xã hội, bọn lưu manh, trộm cắp trên các tuyến đường sắt, đường bộ, đường sông, xử lý theo pháp luật một số đối tượng, thu hồi tài sản cho Nhà nước trị giá 50 triệu đồng.

Trong công tác bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa trong 10 năm qua, lực lượng công an nhân dân, thông qua phong trào quần chúng và kết hợp với công tác quản lý thị trường đã tiến hành các biện pháp nghiệp vụ và thanh tra, kiểm tra, đã phát hiện và làm rõ nhiều vụ. Qua công tác đấu tranh, điều tra, thụ lý án trong 10 năm đã thu hồi lại cho Nhà nước một số lớn tài sản bao gồm lương thực, nguyên liệu, xăng dầu, xi măng, gỗ... trị giá 90 triệu đồng (tính theo giá trị hàng thu về theo thời điểm hàng năm). Trong 10 năm đã phát hiện và xử lý nhiều vụ đầu cơ, buôn lậu, phá rối thị trường, tích trữ hàng phi pháp và cũng đã thu về một số tài sản trị giá 44 triệu đồng.

Đối với công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm hình sự, do tính chất phức tạp của địa bàn, do các tệ nạn của chế độ cũ để lại chưa khắc phục được hết cho nên các vụ án hình sự đã xảy ra khá phổ biến và nhiều vụ có tính chất nghiêm trọng: trong 10 năm tỷ lệ trọng án chiếm tới 11% tổng số các vụ án hình sự. Thông qua các công tác pháp luật kết hợp với giáo dục, thông qua việc điều tra và xử lý, mặc dù tính chất nghiêm trọng của một số vụ án vẫn còn nhưng tổng số các vụ án hình sự đã giảm. Số án hình sự trong năm từ 1982 – 1984 chỉ bằng 33% so với số vụ án trong một năm trong các năm từ 1975 đến 1981.

Những công tác trên đây là những việc làm phải tiến hành trong những hoàn cảnh khó khăn phức tạp, song do sự trưởng thành của lực lượng công an nhân dân, với sức mạnh của hệ thống chuyên chính vô sản ngày càng được củng cố với sự hợp lực của quần chúng, toàn tỉnh nói chung được giữ vững, những thành quả của sự nghiệp xây dựng CNXH và sự nghiệp sản xuất của nhân dân lao động được bảo vệ.

2. Công tác quân sự địa phương

Trong mười năm qua đối với công tác quân sự địa phương, chúng ta đã tập trung lực lượng tiên hành giáo dục, vận động nhân dân và thanh niên thi hành nghĩa vụ quân sự. Lực lượng quân sự các cấp, các ngành và các Đoàn thể quần chúng hàng năm đã tập trung cao độ cho công tác này. Trong 9 năm (từ 1976 đến 1984) ta đã đạt 85% chỉ tiêu kế hoạch gọi thanh niên nhập ngũ, trong đó có 4 năm đạt và vượt chỉ tiêu là các năm 1976, 1980, 1983 và 1984. Hai năm 1983 và 1984 là hai năm liền vượt chỉ tiêu. Nhiều huyện liên tục đạt và vượt chỉ tiêu gọi thanh niên nhập ngũ là Xuân Lộc, Biên Hoà, Long Thành.

Về chất lượng từ khi có luật nghĩa vụ quân sự và do có sự vận động, giáo dục của Đoàn thanh niên công sản tỷ lệ đoàn viên trong thanh niên nhập ngũ tăng lên hàng năm. Năm 1982 là 11,2%, năm 1983 là 23,3% và năm 1984 là 53%. Mặt khác tỷ lệ thanh niên bỏ ngũ hàng năm cũng giảm

xuống. Số bỏ ngũ từ 1975 đến 1981 chiếm 20,8% tổng số nhập ngũ. Năm 1982 lên tới 27,3%. Năm 1983 còn 13,16% và năm 1984 chỉ còn 6,3%.

Đối với thanh niên bỏ ngũ đã giải quyết nhiều biện pháp, đã động viên, giáo dục một số trở lại quân ngũ, một số đưa về địa phương còn một số có vi phạm nặng thì tiến hành xử lý để đề cao kỷ luật của quân đội.

Số đông thanh niên gia nhập quân đội khi bổ sung về các đơn vị đều đã thích nghi với môi trường hoạt động, tích cực phấn đấu rèn luyện và chiến đấu tốt.

Về xây dựng lực lượng địa phương, thông qua cuộc vận động “phát huy bản chất về truyền thống cách mạng của quân đội nhân dân”, công tác rèn luyện và tinh thần chiến đấu của các lực lượng vũ trang địa phương đã được nâng lên, có một bước phát triển mới cả lượng và chất. Lực lượng dân quân tự vệ đã phát triển đều khắp ở các xã ấp, đơn vị xí nghiệp, cơ quan, công nông lâm trường. Đến nay tỷ lệ dân quân tự vệ đã đạt cao hơn so với các năm trước. Công tác huấn luyện được triển khai thường xuyên và sau một thời gian có được nâng lên.

Việc quản lý và sử dụng lực lượng dự bị động viên đã có tiến bộ và có nền nếp hơn trước. Kết quả của các đợt huấn luyện đã nâng cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu của lượng này.

Cùng với việc xây dựng cấp huyện và củng cố cơ sở, việc xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân được chú ý, nhất là ở các vùng trọng điểm. Nhiều địa phương đã có ý thức xây dựng quy hoạch bảo vệ địa phương gắn với quy hoạch, sản xuất, quy hoạch tổng thể.

Phối hợp với công tác quân sự địa phương, công tác giáo dục ý thức bảo vệ Tổ quốc, giáo dục nhiệm vụ quốc tế là một nội dung quan trọng và thường xuyên đối với nhân dân và các lực lượng vũ trang. Với tình nghĩa quốc tế trong sáng, ta đã liên tục đưa lực lượng sang giúp bạn ở tỉnh Kompongthom. Trong số lực lượng đưa sang đã có hai tiểu đoàn được tặng danh hiệu anh hùng các lực lượng vũ trang, nhiều cá nhân, đơn vị được thưởng huân chương.

3. Những tồn tại trong công tác an ninh – quốc phòng.

Mặc dù trong mười năm qua chúng ta đã đạt được những kết quả to lớn trong công tác bảo vệ trật tự, giữ gìn an ninh chính trị, xây dựng lực lượng và bảo vệ quốc phòng, nhưng trên lĩnh vực này cũng có những tồn tại quan trọng:

Trước âm mưu và những thủ đoạn phá hoại thâm độc và thường xuyên của kẻ thù chúng ta chưa phát động được sâu rộng phong trào quần chúng nâng cao cảnh giác cách mạng, nhận rõ đúng bản chất của địch trong tình hình mới do đó mà ý thức cảnh giác trong nhân dân và cán bộ có phần chưa cao, có những lúc lơ là.

Các tệ nạn xã hội, các tội phạm hình sự, các trọng án diễn ra còn nhiều, mức độ nghiêm trọng còn lớn. Việc giáo dục luật pháp, sống và làm

việc theo pháp luật chưa được thực hiện một cách thường xuyên và đồng bộ. Việc đấu tranh để ngăn ngừa tội phạm, vi phạm ngoài xã hội và trong các cơ quan Nhà nước chưa thật có hiệu lực.

Trật tự xã hội và an ninh công cộng còn nhiều rối ren, phức tạp. Kỷ luật giao thông, quản lý và đăng ký hộ khẩu, việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân để làm chủ xã hội, việc xây dựng 4 chế độ: chế độ trách nhiệm, chế độ bảo vệ của công, chế độ phục vụ nhân dân, chế độ kỷ luật chưa được thực hiện nghiêm túc từ đơn vị cơ sở, từ mỗi cơ quan kinh doanh, xí nghiệp sản xuất.

Tình trạng vi phạm tài sản XHCN còn phổ biến và nghiêm trọng. Chưa kết hợp thật tốt cuộc đấu tranh từ trong nội bộ với cuộc đấu tranh ngoài xã hội để ngăn chặn có hiệu quả các tệ nạn ăn cắp của công, hưởng thụ bằng tài sản bất chính và phi pháp, hối lộ, móc ngoặc với tư nhân để trục lợi, sống bằng “quà biếu” từ các nước tư bản gửi về. Tình hình này hiện đang làm tha hoá con người và đồng thời là miếng đất tốt để kẻ thù và những phần tử xấu lợi dụng.

Mặc dù đã qua các cuộc học tập rèn luyện, nhưng tỷ lệ vi phạm trong lực lượng của công an còn tương đối nhiều. Những biểu hiện hống hách, lợi dụng trong lúc thừa hành nhiệm vụ để xâm phạm tài sản và quyền tự do chính đáng của công dân chưa được khắc phục triệt để đã làm cho mối quan hệ giữa quần chúng với công an có nơi, có chỗ bị tổn thất.

Đối với nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng những tồn tại cần phải giải quyết là:

Chưa làm cho nhân dân và nhất là thanh niên quán triệt một cách sâu sắc trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc là vấn đề sống còn của đất nước từ đó động viên tinh thần hăng hái làm nghĩa vụ quân sự một cách tự giác. Trong toàn tỉnh hiện có rất nhiều phường xã nhiều năm không hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân, xây dựng lực lượng tự vệ chiến đấu.

Công tác phát động quần chúng thực hiện quốc phòng toàn dân và xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, nhất là ở những vùng trọng điểm và các vùng xung yếu làm chưa đạt chất lượng và hiệu quả cao.

Việc củng cố, rèn luyện nâng cao chất lượng của lực lượng vũ trang nhất là đối với chiến sĩ mới, chiến sĩ sắp xuất ngũ làm chưa tốt. Chưa tận tình chăm lo đời sống vật chất cho chiến sĩ. Đồng thời việc giáo dục tư cách và phẩm chất cho chiến sĩ và cả cán bộ của quân đội nhân dân làm còn yếu nên một số chiến sĩ và cán bộ đã có những hành động tiêu cực làm ảnh hưởng đến uy tín của lực lượng vũ trang.

Việc thi hành chính sách hậu phương quân đội tuy có nhiều tiến bộ trong những năm gần đây nhưng vẫn còn nhiều thiếu sót đã tác động không nhỏ đến tinh thần chiến đấu của các lực lượng vũ trang.



Đội hình an ninh dân tuần tra giữ gìn trật tự ở thành phố



Lực lượng quân sự địa phương luyện tập chiến đấu bảo vệ bờ biển

PHẦN THỨ BA

NHỮNG NHÂN TỐ CỦA THẮNG LỢI TRONG MƯỜI NĂM

Điềm qua mọi mặt hoạt động của tỉnh từ sản xuất nông, công nghiệp, phân phối lưu thông, văn hoá – xã hội, tuy trên tất cả các lĩnh vực đều có thiếu sót, vấp vấp, có mặt có những thiếu sót và vấp vấp nghiêm trọng, nhưng nhìn toàn cục, qua mười năm cải tạo và xây dựng, trong đó lấy xây dựng làm chính, chúng ta đã đạt được những kết quả, những thắng lợi đáng phấn khởi.

Những nhân tốt của những thắng lợi đó, những động lực đã thúc đẩy và tạo nên những thắng lợi đó là sự trưởng thành của toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản với các chức năng; quản lý kinh tế và xã hội của các cấp chính quyền; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thông qua các đoàn thể quần chúng và nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp bộ Đảng.

I. VAI TRÒ QUẢN LÝ KINH TẾ VÀ XÃ HỘI CỦA CHÍNH QUYỀN CÁC CẤP ĐƯỢC TĂNG CƯỜNG.

1. Xây dựng và củng cố chính quyền cấp tỉnh.

Ngay sau những ngày đầu giải phóng và từ đó đến nay, công tác xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân các cấp, với nhiệm vụ trung tâm của giai đoạn cách mạng mới là khôi phục và cải tạo nền kinh tế thông qua các phong trào hành động cách mạng của quần chúng, chúng ta đã liên tục xây dựng và kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở.

Trong mười năm qua chính quyền các cấp thực sự đã bắt tay và tập trung vào các công tác quan trọng bức thiết sau đây:

- Tiến hành khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp, mở rộng các vùng sản xuất, các khu vực kinh tế mới, giúp đỡ nông dân giải quyết những khó khăn trong sản xuất và đời sống. Đồng thời thúc đẩy các hoạt động sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, sắp xếp các hoạt động phân phối lưu thông, mở rộng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, ổn định và quản lý thị trường.

- Phát triển sự nghiệp văn hoá giáo dục, y tế xã hội.

- Bảo đảm trật tự chính trị, an ninh quốc phòng, đấu tranh chống các tội phạm hình sự, giáo dục pháp luật và tăng cường pháp chế XHCN.

- Tiến hành cải tạo XHCN trên các lĩnh vực; nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giao thông vận tải, phân phối lưu thông...

- Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho sự nghiệp phát triển sản xuất, sự nghiệp văn hoá xã hội. Chăm lo đời sống cho nhân dân lao động.

Trong thời gian qua, thông qua các cuộc vận động bầu cử Quốc hội, tham gia ý kiến xây dựng hiến pháp, qua các kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp (xã, huyện, tỉnh) bộ máy chính quyền cấp tỉnh đã được kiện toàn

từng bước và đến nay đã phát huy được chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của mình trong việc quản lý kinh tế và quản lý xã hội.

Tình hình của tỉnh ta lúc ban đầu gặp nhiều khó khăn gay gắt, nhưng đến nay tuy những khó khăn chưa phải là đã hết nhưng phải thấy rằng vai trò quản lý của bộ máy Nhà nước đã không ngừng được tăng cường.

Trải qua ba lần bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh thành phần trực tiếp sản xuất, tỷ lệ nữ và số trẻ được bổ sung thêm làm cho Hội đồng nhân dân, cơ quan quyền lực quản lý Nhà nước của tỉnh sát với cơ sở, sát với sản xuất hơn (Hội đồng nhân dân khoá 3 trong số 111 đại biểu có 40% là trực tiếp sản xuất, so 13% trong khoá 1 và 27% trong khoá 2), tỷ lệ nữ là 32% (so 24% trong khoá 1 và 26% trong khoá 2). Hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh ngày càng đi vào nền nếp, bàn và quyết định những vấn đề thuộc về nhiệm vụ kinh tế xã hội của tỉnh, đồng thời cũng đã phát huy vai trò của mình trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động của UBND tỉnh, phản ánh những ý kiến và nguyện vọng của nhân dân cho các cơ quan Nhà nước.

Bộ máy quản lý hành chính ở cấp tỉnh nay đã hình thành đủ các Ủy ban, Sở, Ban trực thuộc Ủy ban nhân dân và chia ra các khối: sản xuất nông nghiệp, sản xuất công nghiệp, kế hoạch – thống kê – lao động, phân phối lưu thông, văn hoá xã hội và khối nội chính.

Lề lối làm việc và chức năng quản lý Nhà nước của UBND tỉnh ngày càng đi vào nền nếp, kết hợp được việc quản lý sản xuất kinh doanh với quản lý xã hội.



2. Cải tiến công tác quản lý và công tác kế hoạch hoá.

Trên cơ sở thấu suốt những quan điểm của Đảng về công tác quản lý kinh tế – xã hội thể hiện trong các Nghị quyết của Đảng, chính quyền cấp tỉnh ngày càng nắm bắt được thực tiễn sản xuất hơn, đã cố gắng trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình từng bước tháo gỡ một số vướng mắc trong cơ chế quan liêu bao cấp để tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất kinh doanh của các ngành, các cấp, các cơ sở.

UBND tỉnh đã ban hành nhiều qui định để mở rộng quyền hạn và tính chủ động cho các ngành, các huyện các cơ sở, xí nghiệp. Chính quyền tỉnh cũng đã khuyến khích các ngành, các cơ sở sản xuất tạo điều kiện để thực hiện liên kết kinh tế, tiến hành trả lương theo sản phẩm ở các xí nghiệp công nghiệp, cơ sở sản xuất.

Việc tăng cường mối liên hệ giữa chính quyền tỉnh với các Đoàn thể, với Liên hiệp công đoàn tỉnh để động viên phong trào thi đua sản xuất trong các xí nghiệp công nghiệp, trong nông nghiệp được chặt chẽ hơn đã tạo điều kiện cho việc phát huy quyền làm chủ tập thể trong sản xuất, kinh doanh.

Trong phạm vi quyền hạn của mình, chính quyền tỉnh cũng đã có những cố gắng để giải quyết một số chế độ chính sách cho cán bộ hành chính sự nghiệp như giáo viên, cán bộ y tế... Tuy những khó khăn của đội ngũ cán bộ này còn nhiều nhưng những quan tâm bước đầu cũng đã có tác dụng động viên và khuyến khích bộ phận cán bộ này trong một chừng mực nhất định.

Công tác kế hoạch hoá sản xuất và kinh doanh ngày càng được cải tiến. Việc xây dựng kế hoạch từ cơ sở được chú trọng đã phát huy được tính năng động của cơ sở trong việc tự cân đối vật tư, nguyên liệu ngoài phân cung cấp của Nhà nước. Các kế hoạch sản xuất và kinh doanh của các cơ sở ngày càng sát hơn với tình hình lao động đất đai, thiết bị máy móc và có gắn được với nội dung áp dụng kỹ thuật và kế hoạch tài chính. Nhờ vậy mà nhiều đơn vị sản xuất, kinh doanh đã đóng góp ngày càng nhiều hơn cho ngân sách và tạo tích lũy để mở rộng sản xuất.

Công tác kế hoạch hoá ở huyện và các ngành cũng ngày càng có những mặt tiến bộ. Qua quá trình xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch, nhiều ngành và nhiều huyện đã khắc phục được tư tưởng ỷ lại trông chờ, đã chủ động hơn trong việc cân đối vật tư nguyên liệu với chỉ tiêu sản xuất, đã gắn hơn giữa thu và chi về tài chính, giữa tiêu thụ tại chỗ và làm nghĩa vụ đối với trên, giữa tiêu dùng với tích lũy.

3. Công tác xây dựng huyện, tăng cường cấp huyện và củng cố cơ sở.

Qua việc mạnh dạn phân cấp cho huyện và nhờ tinh thần chủ động vươn lên của các huyện đến nay so với trước các huyện và thành phố đều đã có những chuyển động tích cực và đã trưởng thành.

Trong mười năm qua, thành phố Biên Hoà và tất cả các huyện trong tỉnh, tuy mức độ có khác nhau nhưng đều đã có những tiến bộ cụ thể trong việc quản lý kinh tế – xã hội, phát triển văn hoá giáo dục, y tế, bảo đảm an ninh quốc phòng, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật và chăm lo đời sống cho quần chúng địa bàn huyện.

Điều đáng chú ý là trong thời gian gần đây ngoài việc cố gắng thúc đẩy sản xuất, các huyện đã quan tâm lãnh đạo công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa. Sau khi có nghị quyết 6 của Tỉnh uỷ về công tác cải tạo nông nghiệp và nhất là từ đầu năm 1985 đến nay do các huyện đã chú ý tập trung lực lượng, tăng cường chỉ đạo nên tốc độ cải tạo nông nghiệp đã được tiến hành khẩn trương hơn và toàn tỉnh trong năm 1985 sẽ hoàn thành cơ bản việc cải tạo nông nghiệp. Đây là một kết quả có nhiều ý nghĩa, có tác động thiết thực và trực tiếp đến phát triển nông nghiệp, tăng cường cơ sở kinh tế cấp huyện và sẽ tạo ra những biến đổi sâu sắc trong cuộc sống mới ở địa bàn nông thôn. Ngoài cải tạo nông nghiệp các huyện và thành phố đều đã quan tâm đến cải tạo và sắp xếp thị trường, phát triển và quản lý sản xuất tiểu thủ công nghiệp, xây dựng hợp tác xã mua bán và tín dụng ở nông thôn.

Về mặt tổ chức và bộ máy cấp huyện tuy còn thiếu cán bộ nhất là cán bộ quản lý và kỹ thuật nhưng sau mười năm xây dựng đến nay nói chung đã được củng cố hơn trước. Tuy bộ máy có gặp những xáo trộn nhất là trong thời gian “bỏ phòng” để “lập ban” rồi lại “xoá ban” để “lập trở lại phòng” nhưng qua 4 lần bầu cử HDND và UBND cấp huyện, về cơ cấu số lượng và chất lượng đã được tăng cường. Trong Hội đồng nhân dân khoá 4 ở cấp huyện nay có 492 thành viên trong đó đảng viên có 70% (khoá 1 có 58%, khoá 2 có 68, 8%, khoá 3 có 62%). Tỷ lệ trẻ trong Hội đồng nhân dân cấp huyện cũng được nâng lên sau mỗi khoá (khoá 1: 11,5%, khoá 2: 13,8%, khoá 3: 20%, khoá 4: 41,8%).

Đối với cấp cơ sở, trong mười năm qua đã không ngừng chú trọng bồi dưỡng cán bộ quản lý chính quyền ở cấp xã phường. Một số xã dân cư quá đông đã chia nhỏ lại cho phù hợp. Đến nay trong toàn tỉnh có 153 xã phường. Qua 4 lần bầu cử, số thành viên trong HDND và UBND xã phường có được tăng cường hơn cả về số lượng lẫn chất lượng. Số lượng hội viên hội đồng nhân dân xã phường qua các khoá như sau: khoá 1: 4.456 người, khoá 2: 4.888 người, khoá 3: 5.372 người, khoá 4: 5.437 người. Số lượng thành viên UBND xã, phường qua các khoá như sau: khoá 1: 915 người, khoá 2: 845 người, khoá 3: 949 người, khoá 4: 1088 người.

Nhìn lại quá trình xây dựng, củng cố và trưởng thành của chính quyền các cấp trong mười năm chúng ta có cơ sở để tin tưởng hơn vào bước phát triển của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của địa phương vì xét cho cùng “vấn đề cơ bản của cách mạng là vấn đề chính quyền”.

Song nghiêm túc mà nói cũng phải thấy những tồn tại trong công tác xây dựng và củng cố chính quyền để phân đầu khắc phục.

Một số cơ quan dân cử cụ thể là Hội đồng nhân dân đặc biệt là cấp huyện và xã (và trong một chừng mực nào ở cấp tỉnh) hoạt động còn có tính chất hình thức. Việc tuân thủ cơ chế hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp theo luật định là một trong những vấn đề cơ bản để nâng cao quyền lực của các cơ quan dân cử về quản lý Nhà nước, quản lý xã hội hiện nay.

Việc quản lý xã hội theo pháp luật và bằng pháp luật chưa được tuân thủ một cách đầy đủ. Tình trạng vi phạm pháp luật trong các cơ quan Nhà nước kể cả trong các cơ quan pháp luật không phải là không có. Việc chống quan liêu, lợi dụng chức quyền, tham ô, lãng phí, vi phạm tài sản của Nhà nước, ức hiếp quần chúng có nơi, có lúc không được nghiêm minh đã làm cho quyền làm chủ của nhân dân lao động bị vi phạm. Từ đó, việc thực hiện cơ chế làm chủ bằng pháp luật và thông qua hệ thống chính quyền các cấp chưa được thực hiện tốt ngay trong các cơ quan Nhà nước từ tỉnh đến cơ sở.

Công tác phân công phân cấp của tỉnh tuy đã được tiến hành sớm và đã mang lại hiệu quả thiết thực. Tuy nhiên vẫn còn những vấn đề phải được quan tâm giải quyết tiếp tục. Đối với cấp xã chưa được hướng dẫn cụ thể và chỉ đạo chặt chẽ trong việc xây dựng kế hoạch, nắm tài nguyên đất đai lao động, hướng dẫn để tạo nguồn tài chính theo đúng tinh thần cấp xã cũng là một cấp ngân sách, một cấp kế hoạch. Giữa các ngành ở tỉnh và huyện cũng còn những vướng mắc về quyền lợi và nhiệm vụ trong việc quản lý theo ngành và theo lãnh thổ.

Vấn đề tinh giản bộ máy, nghiên cứu bỏ vác khâu trung gian kém hiệu lực và qui hoạch cán bộ tuy đã đề ra nhiều lần nhưng vẫn chưa thực hiện được. Nhiều tổ chức hiện nay công kềng, đông người, nặng nề nhưng công việc không chạy mà chưa có biện pháp cụ thể để giải quyết. Đây là một cản ngại không nhỏ trong tình hình hiện nay, tình hình đang đòi hỏi phải nhanh chóng xoá bỏ cơ chế quan liêu, bao cấp để chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN.

Một vấn đề quan trọng cần nhấn mạnh là khâu phối hợp các lực lượng trong bộ máy chính quyền và khâu cán bộ trong các tổ chức của Nhà nước đặc biệt là trong khu vực sản xuất, kinh doanh. Trong hoạt động của guồng máy chính quyền, sức mạnh tổng hợp thể hiện ở sự phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng, các tổ chức để phục vụ cho những nhiệm vụ và những mục tiêu chung và trong từng thời kỳ. Vừa qua tình trạng cục bộ, bản vị ngành, thiếu phối hợp chặt chẽ với nhau, thiếu tạo điều kiện thuận lợi cho nhau để cùng phục vụ nhiệm vụ chung không phải là không xảy ra đã làm cho một số chủ trương, nhiệm vụ không đạt được kết quả mong muốn. Ngoài ra điều đáng quan tâm là trong bộ máy Nhà nước các cấp vẫn còn một số cán bộ mà phẩm chất, năng lực không đáp ứng được nhiệm vụ

vẫn chưa được thay thế hoặc đấu tranh để sửa chữa, uốn nắn. Các hiện tượng bảo thủ, trì trệ, không nhạy bén với thực tiễn, không vì lợi ích của sản xuất, của xã hội và của đời sống người lao động trong một chừng mực nhất định đang là cản ngại cho hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp và làm cho hiệu lực quản lý Nhà nước, quản lý xã hội của chính quyền chưa đáp ứng được đầy đủ đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp cải tạo và xây dựng xã hội chủ nghĩa ở địa phương.

II. PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ TẬP THỂ CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG THÔNG QUA CÁC ĐOÀN THỂ QUẦN CHÚNG.

Trải qua các chặng đường lịch sử đấu tranh, nhân dân lao động Đồng Nai đã chứng tỏ tinh thần chiến đấu bất khuất và truyền thống chịu đựng gian khổ vượt khó khăn.

Từ khi có Đảng, phong trào của giai cấp công nhân, phong trào của quần chúng có một bước phát triển mới. Qua ba mươi năm đánh giặc: chống Pháp và đánh Mỹ, nhiều chiến công của quân dân Đồng Nai đã được lịch sử ghi nhận. Truyền thống đó mãi mãi là niềm tự hào chính đáng của nhân dân Đồng Nai như đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn đã nói tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ 3: “Mỗi tên đặt, tên sông của Đồng Nai đều gắn với những kỳ tích của nhân dân Đồng Nai”. Truyền thống đó vẫn được phát huy suốt 10 năm qua trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

1. Các phong trào cách mạng của quần chúng lao động trong mười năm.

Cách mạng là ngày hội của quần chúng đồng thời sự nghiệp cách mạng cũng là thử thách đối với mỗi con người.

Đồng Nai có cấu tạo dân cư từ nhiều địa phương trong nước tập hợp lại. Ngoài nhân dân tại chỗ sinh sống đã lâu đời, trong các chặng đường và qua các biến cố của lịch sử, nhân dân lao động từ những năm Pháp thuộc đi làm công nhân đồn điền cao su, thanh niên trong cả nước hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng lên đường “nam tiến” đánh Pháp, đánh Mỹ, quần chúng công giáo bị địch cưỡng ép di cư, nhân dân bị xúc tạt trong những năm chiến tranh dồn về, đồng bào các nơi gặp khó khăn do thiên tai kéo đến... đã làm cho tỉnh Đồng Nai trở thành một “điểm hội tụ” của nhân dân nhiều vùng khác nhau trong cả nước.

Trên đất Đồng Nai hiện có nhiều dân tộc sinh sống. Về đạo giáo, ngoài những người theo đạo Thiên Chúa chiếm 1/3 số dân còn có người theo đạo Phật, đạo Cao đài...

Mặc dù suốt thời gian dài một bộ phận quần chúng đi Mỹ, nguy đầu độc, nhưng vốn là nhân dân lao động, từ ngày giải phóng đến nay quần chúng trong khắp các địa bàn trong tỉnh dưới sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết trong các tổ chức quần chúng của mình đã cố gắng phấn đấu, vượt hết

khó khăn này đến khó khăn khác để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Phong trào thi đua lao động sản xuất

Giai cấp nông dân của tỉnh đã có những nỗ lực lớn lao trong việc mở rộng diện tích, làm thủy lợi, thâm canh tăng vụ, phát triển các vùng chuyên canh. Ý thức coi trọng tăng năng suất, sản xuất có kỹ thuật đang thay thế dần cách làm ăn cũ theo cái tập quán lâu đời. Phong trào dùng giống mới, làm ruộng cao sản đã được sự hưởng ứng rộng rãi của nông dân địa phương.

Trên lĩnh vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phong trào thi đua lao động sản xuất, cải tiến kỹ thuật tăng năng suất, thực hành tiết kiệm được phát động và được sự hưởng ứng thường xuyên của công nhân, viên chức trong các xí nghiệp, công, nông, lâm trường và nhiều cơ quan. Tính trong 4 năm từ 1981 – 1984 phong trào thi đua của công nhân viên chức đã phát huy được 3.937 sáng kiến làm lợi cho Nhà nước gần 30 triệu đồng. Trong sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, nơi mà lao động nữ chiếm 60%, những người lao động cũng đã khắc phục các khó khăn về nguyên vật liệu để phát triển sản xuất, mở rộng ngành nghề.

Phong trào tham gia vận động cải tạo quan hệ sản xuất.

Đây là một cuộc vận động mang tính cách mạng sâu sắc và triệt để. Trước đây kẻ thù đã tìm mọi thủ đoạn tác động để nói xấu chế độ xã hội chủ nghĩa, do đó trong một thời gian dài hiểu biết về chủ nghĩa xã hội của quần chúng cũng bị lệch lạc. Nhưng qua quá trình vận động giáo dục của mười năm, chúng ta có thể khẳng định là nhân dân lao động tỉnh ta không những chỉ hiểu, tiếp thu chủ nghĩa xã hội mà trên thực tế đã đi theo con đường XHCN và đang bắt tay xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Mặc dù trong phong trào xây dựng tập đoàn sản xuất nông nghiệp sau thời gian tập hợp ồ ạt của năm 1979 có gặp khó khăn nhưng khi tìm được hình thức phát triển thích hợp thì quần chúng nông dân sẵn sàng chấp nhận tập thể hoá nông nghiệp.

Trong công tác cải tạo công thương nghiệp tư doanh và quản lý thị trường, lực lượng chị em phụ nữ đã tham gia tích cực và có hiệu quả. Trong phong trào xây dựng hợp tác xã mua bán đã có 318 chị em phụ nữ tham gia vào các ban quản lý hợp tác xã mua bán cao cấp. Lực lượng phụ nữ còn tham gia vào việc sắp xếp lại 50 trong số 96 chợ và vận động tổ chức 240 tổ phụ nữ mua bán chung.

Phong trào bảo vệ Tổ quốc và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội.

Bằng nhiều hình thức, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ và các đoàn thể khác hàng năm trong các đợt nghĩa vụ quân sự đã góp phần giáo dục, động viên thanh niên lên đường làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

Việc thi hành chính sách hậu phương quân đội, ủng hộ các tỉnh biên giới phía bắc và làm nghĩa vụ quốc tế đối với nước bạn Campuchia cũng được các Đoàn thể quan tâm vận động.

Để giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội ở địa phương, mạng lưới dân quân tự vệ, tổ an ninh nhân dân đã được tổ chức ở nông thôn và ở đường phố với sự tham gia của quần chúng lao động. Các tổ chức này đã góp sức cùng với chính quyền tham gia truy quét và gọi ra trình diện một số tên phản cách mạng và phát hiện, giáo dục một số tội phạm có kết quả.

Phong trào thực hiện nếp sống văn hoá mới và xây dựng gia đình văn hoá mới.

Mặt trận và các đoàn thể trong phạm vi chức năng của mình đã tổ chức những cuộc vận động, phối hợp với các ngành, tiến hành các hoạt động để xoá bỏ hủ tục, mê tín, dị đoan... Vận động thực hiện luật hôn nhân và gia đình.

Hội phụ nữ đã phát động phong trào nâng cao trách nhiệm của người mẹ và phong trào xây dựng gia đình văn hoá mới.

Phong trào vận động tiết kiệm và mua công trái xây dựng Tổ quốc.

Được Đảng giao cho chủ trì phối hợp tổ chức cuộc vận động mua công trái xây dựng Tổ quốc, UB Mặt trận các cấp và các đoàn thể đã phối hợp với các cơ quan, các ngành tích cực vận động các tầng lớp nhân dân trong tỉnh bằng nhiều hình thức và biện pháp. Chỉ tiêu của năm đầu tiên do trên giao đã hoàn thành chứng tỏ ý thức của nhân dân trong tỉnh ta đối với nhiệm vụ xây dựng đất nước.

Phong trào gởi tiền tiết kiệm, lập quỹ bảo thọ người già tuy kết quả chưa cao, chưa nhiều, nhưng những nơi mà Mặt trận cùng các đoàn thể có quan tâm vận động đều có tác dụng rõ rệt.

Mười năm qua, trong giai đoạn mới, quần chúng nhân dân lao động tỉnh ta đã chứng tỏ tinh thần cách mạng của mình thông qua các cuộc vận động thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước. Phong trào quần chúng thực sự là động lực quan trọng thúc đẩy bước tiến lên của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2. Vai trò của các đoàn thể quần chúng cách mạng.

Trong 10 năm, thông qua các phong trào hành động của quần chúng, các đoàn thể cách mạng đã được củng cố, phát triển lực lượng và phát huy được vai trò của mình.

Đến nay trong tổng số hơn 700.000 lao động của toàn tỉnh đã có 600.000 người được tập hợp vào các tổ chức quần chúng (trong đó có 586.174 là đoàn viên và hội viên các đoàn thể: Công đoàn, Hội Nông dân tập thể, Đoàn Thanh niên cộng sản và Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam, Hội liên hiệp phụ nữ). Ngoài ra còn lại là hội viên của các Hội quần chúng: Chữ thập đỏ, Y học dân tộc, Hội nhà báo, Hội văn học nghệ thuật... Trong